

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12 /2012/NQ-HĐND8

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 7 năm 2012

**NGHỊ QUYẾT**

**Về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản  
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG  
KHOÁ VIII – KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 74/2011/NĐ-CP;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1631/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** ~~Phê chuẩn~~ **Phê chuẩn** mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

1. ~~Mức thu:~~ **Mức thu:**
- |   |                              |
|---|------------------------------|
| a) Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)          | : 60.000 đồng/m <sup>3</sup> |
| b) Đá làm vật liệu xây dựng thông thường                      | : 1.500 đồng/tấn             |
| c) Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp) | : 2.500 đồng/tấn             |
| d) Sỏi, cuội, sạn   | : 5.000 đồng/m <sup>3</sup>  |
| đ) Cát vàng (cát xây tô)                                      | : 4.000 đồng/m <sup>3</sup>  |
| e) Các loại cát khác (trừ cát làm thủy tinh)                  | : 3.000 đồng/m <sup>3</sup>  |
| g) Đất sét, đất làm gạch, ngói                                | : 2.000 đồng/m <sup>3</sup>  |
| h) Sét chịu lửa   | : 25.000 đồng/tấn            |
| i) Đất làm cao lanh   | : 6.000 đồng/m <sup>3</sup>  |

- k) Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình và các loại đất khác (trừ đất làm thạch cao) : 1.500 đồng/m<sup>3</sup>
- l) Than bùn (than khác). : 6.000 đồng/tấn
- m) Khoáng sản không kim loại khác. : 25.000 đồng/tấn

2. Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với những loại khoáng sản khác ngoài các loại khoáng sản được quy định tại khoản 1 Điều này nếu có phát sinh trên địa bàn tỉnh thì áp dụng mức thu tối đa theo quy định tại Nghị định 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thực hiện Nghị quyết này đúng quy định pháp luật hiện hành về phí và lệ phí.

**Điều 3.** Bãi bỏ Nghị quyết số 16/2008/NQ-HĐND7 ngày 22 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khoá VII.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khoá VIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2012 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên – Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website Bình Dương;
- Chuyên viên VP: Đoàn ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Vũ Minh Sang**